|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS&THPT VĨNH HÒA**  **TỔ NGỮ VĂN** | **ĐỀ THI GIỮA KÌ I**  **MÔN: NGỮ VĂN 10**  **Năm học: 2023-2024**  Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com  https://www.vnteach.com |

**I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung kiến thức / Đơn vị kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | |  |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao | **Tỉ lệ** |
| **1** | **Đọc** | Thần thoại và sử thi | **3** | **3** | **1** | **1** | **60** |
| Truyện |
| Thơ trữ tình |
| Sân khấu dân gian (chèo/tuồng) |
| Văn nghị luận |
| Văn bản thông tin |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội | **1\*** | **1\*** | **1\*** | **1\*** | **40** |
| Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học |
| Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm |
| Viết bài luận về bản thân |
| Viết bản nội quy hoặc bản hướng dẫn nơi công cộng |
| **Tổng** | | | ***25*** | ***35*** | ***30*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ%** | | | **60** | | **40** | |

Phần Đọc hiểu:

3 câu NB: 1,5 điểm

3 câu TH; 3,0 điểm

1 câu VD: 1,0 điểm

1 câu VDC: 0,5 điểm

**II. Bản đặc tả yêu cầu các kĩ năng kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn, lớp 10**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tỉ lệ %** |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận Dụng | Vận dụng cao |
| **1** | **1. Đọc hiểu** | **1.Thần thoại**. | **Nhận biết:**  - Nhận biết được không gian, thời gian trong truyện thần thoại.  - Nhận biết được đặc điểm của cốt truyện, câu chuyện, nhân vật trong truyện thần thoại.  - Nhận biết được đề tài; các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại.  - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong truyện thần thoại.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Phân tích được những đặc điểm của nhân vật; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm.  - Chỉ ra được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại; lí giải được mối quan hệ giữa đề tài, chi tiết, câu chuyện và nhân vật trong tính chỉnh thể của truyện thần thoại.  - Xác định được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; chỉ ra và phân tích được những căn cứ để xác định chủ đề của văn bản.  - Lí giải được tình cảm, thái độ của người kể chuyện với nhân vật trong truyện thần thoại.  - Phát hiện và lí giải các giá trị đạo đức, văn hóa từ văn bản.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật xây dựng nhân vật.  **Vận dụng**:  - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với tình cảm, quan niệm, cách nghĩ của bản thân trước một vấn đề đặt ra trong đời sống hoặc văn học.  **Vận dụng cao**:  - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng,… trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân.  - Liên hệ để thấy một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm thần thoại thuộc những nền văn học khác nhau. | 4 câu/3 câu | 4 câu /3 câu | 1 câu | 1 câu | 60 |
| **2. Sử thi**. | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đặc điểm của không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật trong sử thi.  - Nhận biết được người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất); điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong sử thi.  - Nhận biết được đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của sử thi.  - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong sử thi.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện của đoạn trích / tác phẩm.  - Phân tích được những đặc điểm của nhân vật trong sử thi; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong đoạn trích / tác phẩm.  - Xác định được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; chỉ ra và phân tích được những căn cứ để xác định chủ đề của văn bản.  - Phát hiện và lí giải các giá trị đạo đức, văn hóa từ văn bản.  - Lí giải được tác dụng của việc lựa chọn nhân vật người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất); lựa chọn điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong sử thi.  - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của đề tài; các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của sử thi; lí giải được mối quan hệ giữa đề tài, chi tiết, câu chuyện và nhân vật trong tính chỉnh thể của sử thi.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật xây dựng nhân vật, sự kiện trong sử thi.  **Vận dụng**:  - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với tình cảm, quan niệm, cách nghĩ của bản thân trước một vấn đề đặt ra trong đời sống hoặc văn học.  **Vận dụng cao**:  - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng, những đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân.  - Liên hệ để thấy một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm sử thi thuộc những nền văn học khác nhau. |
| **3. Truyện.** | **Nhận biết:**  **-** Nhận biết lời kể, ngôi kể, lời người kể chuyện và lời nhân vật.  - Nhận biết đề tài, không gian, thời gian, chi tiết tiêu biểu trong truyện.  - Nhận biết được những đặc điểm của nhân vật, cốt truyện, câu chuyện trong tác phẩm truyện.  - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hóa được thể hiện trong văn bản truyện.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện và lí giải được ý nghĩa, tác dụng của cốt truyện.  - Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện và lí giải được mối quan hệ giữa các yếu tố này trong tính chỉnh thể của tác phẩm.  - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của việc lựa chọn lời kể, ngôi kể, điểm nhìn trong tác phẩm.  - Phân tích, đánh giá được đặc điểm của nhân vật và vai trò của nhân vật trong tác phẩm.  - Xác định được chủ đề, tư tưởng của tác phẩm; chỉ ra được những căn cứ để xác định chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.  - Phát hiện và lí giải các giá trị đạo đức, văn hóa từ văn bản.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật xây dựng nhân vật.  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với tình cảm, quan niệm, cách nghĩ của bản thân trước một vấn đề đặt ra trong đời sống hoặc văn học.  **Vận dụng cao:**  - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng, những đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân.  - Liên hệ để thấy một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm truyện thuộc những nền văn học khác nhau. |
| **4. Thơ trữ tình.** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được các biểu hiện của thể thơ, từ ngữ, vần, nhịp, đối và các biện pháp nghệ thuật trong bài thơ.  - Nhận biết được bố cục, những hình ảnh, chi tiết tiêu biểu trong bài thơ.  - Nhận biết được nhân vật trữ tình, chủ thể trữ tình trong bài thơ.  - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hóa được thể hiện trong bài thơ.  - Nhận biết được những biểu hiện trực tiếp của tình cảm, cảm xúc trong bài thơ.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được giá trị biểu đạt, giá trị thẩm mĩ của từ ngữ, vần, nhịp và các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ.  - Phân tích được ý nghĩa, giá trị của hình ảnh, chi tiết tiêu biểu trong bài thơ  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong bài thơ.  - Nêu được cảm hứng chủ đạo, chủ đề, thông điệp của bài thơ.  - Phát hiện và lí giải các giá trị đạo đức, văn hóa từ bài thơ.  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do bài thơ gợi ra.  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với tình cảm, quan niệm, cách nghĩ của bản thân trước một vấn đề đặt ra trong đời sống hoặc văn học  - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong bài thơ để lí giải ý nghĩa, thông điệp của bài thơ.  **Vận dụng cao:**  - Đánh giá, nhận xét được nét độc đáo của bài thơ, đoạn thơ thể hiện qua cách nhìn, cách cảm nhận riêng của tác giả về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu.  - Mở rộng liên tưởng về vấn đề đặt ra trong bài thơ để hiểu sâu hơn bài thơ. |
| **5. Kịch bản tuồng, chèo**. | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đề tài, tính vô danh, tích truyện trong tuồng, chèo.  - Nhận biết được lời chỉ dẫn sân khấu, lời thoại và hành động của nhân vật tuồng, chèo.  - Nhận biết được nhân vật, tuyến nhân vật và cốt truyện trong kịch bản tuồng, chèo.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, tính vô danh, tích truyện trong tuồng, chèo.  - Phân tích, lí giải được tác dụng của cốt truyện, ngôn ngữ, hành động của nhân vật, diễn biến của câu chuyện trong kịch bản tuồng, chèo.  - Phân tích được đặc điểm của nhân vật tuồng, chèo và vai trò của nhân vật với việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.  - Phát hiện và lí giải các giá trị đạo đức, văn hóa từ vở tuồng / chèo.  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do vở tuồng / chèo gợi ra.  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân về con người, cuộc sống.  **Vận dụng cao:**  - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của tác phẩm.  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng, những đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân. |
| **6. Văn nghị luận**. | **Nhận biết:**  - Nhận biết được luận đề chính trong văn bản.  - Nhận biết được luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả.  - Nhận biết được các yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Xác định được được nội dung bao quát, tư tưởng chủ đạo của văn bản.  - Xác định và lí giải được mục đích, quan điểm của người viết.  - Lí giải được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung văn bản.  - Phân tích được vai trò của các yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận.  **Vận dụng**:  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.  - Thể hiện được thái độ đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với quan điểm của tác giả.  **Vận dụng cao:**  - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hóa để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.  - Đánh giá được ý nghĩa, tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân. |
| **7. Văn bản thông tin**. | **Nhận biết:**  - Nhận biết được một số dạng văn bản thông tin tổng hợp; văn bản thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.  - Nhận biết được sự kết hợp giữa các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong văn bản thông tin.  - Nhận biết được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong văn bản thông tin.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được ý nghĩa của đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả.  - Giải thích được mục đích, tác dụng của việc lồng ghép các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong vào văn bản  - Phân tích được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ để biểu đạt nội dung văn bản.  - Giải thích được mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản.  **Vận dụng:**  Rút ra ý nghĩa hay tác động của thông tin trong văn bản đối với bản thân.  **Vận dụng cao:**  - Đánh giá được mức độ chính xác, khách quan của thông tin trong văn bản dựa trên những căn cứ xác đáng.  - Đánh giá được cách đưa tin và quan điểm của người viết thể hiện qua văn bản |
| **2** | **Viết** | **1. Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.** | **Nhận biết:**  **-** Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.  - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận.  - Giới thiệu được vấn đề xã hội và mô tả được những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết.  - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Giải thích được những khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận.  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội.  - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.  - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic.  **Vận dụng cao**:  - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm; vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 10 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết..  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết về vấn đề xã hội. | 1\* | 1\* | 1\* | 1 câuTL | 40 |
| **2. Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học.** | **Nhận biết**:  - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, thể loại,… của tác phẩm.  **-** Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.  **Thông hiểu**:  - Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm văn học.  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. Phân tích được những đặc sắc về nội dung, hình thức nghệ thuật và chủ đề của tác phẩm.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Nêu được những bài học rút ra từ tác phẩm.  - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm).  - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic.  **Vận dụng cao**:  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức tác phẩm.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết.  - Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 10 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. |
| **3. Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.** | **Nhận biết:**  - Nêu được thói quen hay quan niệm mang tính tiêu cực, cần phải từ bỏ.  - Xác định rõ được mục đích (khuyên người khác từ bỏ thói quen / quan niệm), đối tượng nghị luận (người / những người mang thói quen / quan niệm mang tính tiêu cực).  **-** Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp.  - Trình bày được những khía cạnh mang tính tiêu cực, bất lợi của thói quen / quan niệm; những lợi ích của việc từ bỏ thói quen / quan niệm ấy.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Thể hiện được thái độ tôn trọng với đối tượng thuyết phục; chỉ ra được lợi ích của việc từ bỏ thói quen, quan niệm.  - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic.  **Vận dụng cao**:  - Sử dụng kết hợp của phương thức miêu tả, biểu cảm, … để tăng sức thuyết phục cho lập luận.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết.  - Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 10 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. |
| **4. Viết bài luận về bản thân.** | **Nhận biết:**  **-** Xác định được đúng yêu cầu về nội dung và hình thức của bài luận về bản thân.  - Xác định được đúng đề tài, đối tượng của bài luận về bản thân.  - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận;  **Thông hiểu:**  - Thể hiện được mục đích của bài luận; đảm bảo sự phù hợp giữa mục đích, đối tượng và cách thức trình bày bài luận.  - Trình bày được những năng lực, sở trường, quan niệm của bản thân tùy theo mục đích viết luận.  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  Thể hiện thái độ khiêm tốn, cầu thị, tự tin của bản thân.  **Vận dụng cao**:  - Sử dụng hợp lí sự kết hợp của các phương thức miêu tả, biểu cảm,… để tăng sức thuyết phục cho bài luận.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt.  - Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 10 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. |
| **5. Viết bản nội quy hoặc bản hướng dẫn nơi công cộng.** | **Nhận biết:**  **-** Xác định được đúng yêu cầu về nội dung và hình thức của văn bản.  - Xác định được đúng mục đích, đối tượng của văn bản.  - Đảm bảo bố cục, cấu trúc của một văn bản thuyết minh.  **Thông hiểu:**  - Trình bày rõ quy trình, các bước thực hiện một công việc hoặc tham gia một hoạt động nơi công cộng.  - Đảm bảo cấu trúc sáng rõ, ngôn ngữ tường minh, chính xác, cụ thể, khách quan.  - Trình bày đúng hình thức, thể thức văn bản; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Sử dụng những chỉ dẫn, hướng dẫn cụ thể phù hợp với mục đích, đối tượng.  **Vận dụng cao**:  - Sử dụng kết hợp sáng tạo giữa kênh chữ và kênh hình.  - Vận dụng hiểu biết những kiến thức tiếng Việt lớp 10 để diễn đạt nội dung bài viết đảm bảo sinh động, hấp dẫn. |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | **25%** | **35%** | **20%** | **10%** | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60%** | | **40%** | |

**III.**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS&THPT VĨNH HÒA**  **TỔ NGỮ VĂN** | **ĐỀ THI GIỮA KÌ I**  **MÔN: NGỮ VĂN 10**  **Năm học: 2023-2024** |

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

***TUỔI THƠ***

|  |  |
| --- | --- |
| *Trong giấc ngủ của con Đỏ ối trời hoa gạo Nhớ mẹ nhớ bà những năm giông bão Mùi rơm rạ huây hoai Mùi bùn non ngây ngái Tuổi thơ con lấm láp bãi bồi Cho chuồn ngô cắn rốn Tưởng sông Hồng hẹp hơn Thân chuối lạc đã vớt con lúc đuối.*  *Trong giấc ngủ của con Đỏ rát trời đạn lửa Thương mẹ thương bà những năm chiến tranh Tất tả gánh gồng xuôi ngược Cháu con một đầu, nồi chảo một đầu Con ngồi hát giữa chập chèng xoong chậu* | *Con đâu hay bà và mẹ khóc thầm*  *Tưởng khóc thế là chiến tranh mau hết Nhưng bom đạn dường như không cần biết.*  *Trong giấc ngủ của con Không có bà Tiên, cô Tấm Chỉ có u u những hồi còi báo động Và chiếc chạc xoan muốn được hóa nỏ thần Chỉ là giấc mơ thôi nhưng bà, mẹ vẫn tin Cái khao khát thơ ngây cũng giúp người lớn sống Đất nước trường tồn từ chắt chiu hy vọng Trong mỗi căn hầm Có tiếng dế tuổi thơ con!*  (Trương Nam Hương, Viết tặng những mùa xưa, NXB Thanh niên 1999) |

**Trả lời các câu hỏi:**

**Câu 1**. Xác định thể thơ của văn bản?

**Câu 2.** Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?

**Câu 3.** Kể tên những hình ảnh thiên nhiên quê hương được nhắc đến trong khổ thơ đầu bài thơ?

**Câu 4**. Hãy nêu tác dụng của việc lặp lại câu thơ “*Trong giấc ngủ của con*” ba lần trong bài thơ?

**Câu 5.** Em hiểu như thế nào về những câu thơ sau:

*Trong giấc ngủ của con*

*Không có bà Tiên, cô Tấm*

*Chỉ có u u những hồi còi báo động*

**Câu 6**. Hai câu thơ sau gợi cho em những suy nghĩ gì?

*Trong mỗi căn hầm  
Có tiếng dế tuổi thơ con!*

**Câu 7.** Theo em, “*cái khao khát thơ ngây*” có giúp mỗi người vượt lên những khó khăn, thử thách của cuộc sống hay không? Vì sao?

**Câu 8.** Nhận xét về tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình bộc lộ trong bài thơ?

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Hãy viết một bài luận (khoảng 500 chữ) thuyết phục một người bạn từ bỏ một thói quen tuỳ tiện trong phát ngôn?

------------------------Hết-----------------------

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS&THPT VĨNH HÒA**  **TỔ NGỮ VĂN** | **HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI GIỮA KÌ I**  **MÔN: NGỮ VĂN 10**  **Năm học: 2023-2024** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | Thể thơ: Tự do/Thơ tự do  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm.*  *- Học sinh trả lời sai: 0,0 điểm.* | 0,5 |
| **2** | Nhân vật trữ tình trong bài thơ: Người con/ “con”  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm.*  *- Học sinh trả lời sai: 0,0 điểm.* | 0,5 |
| **3** | Những hình ảnh thiên nhiên quê hương được nhắc đến trong khổ thơ đầu bài thơ:  - Hoa gạo nở  - Bãi bồi  - Dòng sông  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm.*  *- Học sinh trả lời đúng 1 đến 2 hình ảnh: 0,25 điểm.*  *- Học sinh trả lời sai: 0,0 điểm.* | 0,5 |
| **4** | Tác dụng của việc lặp lại câu thơ “*Trong giấc ngủ của con*” ba lần trong bài thơ  - Nhấn mạnh khôg gian tiềm thức nơi hồi tưởng những kí ức về tuổi thơ vất vả, lam lũ nhưng cũng đầy thú vị, tình yêu thương của bà và mẹ.  - Qua đó thể hiên tình cảm nhớ nhung tuổi thơ; tình yêu thương, biết ơn với người bà, người mẹ.  - Tạo nhịp điệu, âm hưởng cho bài thơ.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời tương đương, đủ ý như đáp án: 1,0 điểm.*  *- Học sinh trả lời được ý 1 và 2: 0,75 điểm*  *- Học sinh trả lời được một ý: 0,5 điểm*  *- Học sinh trả lời được một ý nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm.*  ***\* Lưu ý:*** *Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.* | 1,0 |
| **5** | Những câu thơ sau:  *Trong giấc ngủ của con*  *Không có bà Tiên, cô Tấm*  *Chỉ có u u những hồi còi báo động*  *Được hiểu là:*  *- Giấc ngủ thời thơ ấu của con không bình yên: không có những đêm nghe mẹ nghe bà kể chuyện bà Tiên, cô Tấm mà chỉ có tiếng còi báo động sơ tán trong chiến tranh.*  *- Thể hiện một thời thơ ấu cơ cực, ám ảnh trong cả những giấc mơ*  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời tương đương, đủ ý như đáp án: 1,0 điểm.*  *- Học sinh trả lời được một ý, hoặc hai ý nhưng diễn đạt chưa sắc sảo: 0,5 điểm*  *- Học sinh trả lời được một ý nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm.*  ***\* Lưu ý:*** *Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.* | 1,0 |
| **6** | Hai câu thơ:  Trong mỗi căn hầm Có tiếng dế tuổi thơ con!  - Gợi sự tương phản đối lập giữa cuộc chiến tranh tàn khốc, ghê rợn với tuổi thơ êm đềm ấm áp ở quê hương.  - Khiến ta thêm trân trọng những phút giây hoà bình, không quên những máu xương cha ông đã đổ xuống.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời tương đương, đủ ý như đáp án: 1,0 điểm.*  *- Học sinh trả lời được một ý, hoặc hai ý nhưng diễn đạt chưa sắc sảo: 0,5 điểm*  *- Học sinh trả lời được một ý nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm.*  ***\* Lưu ý:*** *Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.* | 1,0 |
| **7** | Theo em, “*cái khao khát thơ ngây*” giúp mỗi người vượt lên những khó khăn, thử thách của cuộc sống? Vì sao?  - Nêu được quan điểm của mình.  - Lí giải được quan điểm: nội dung lí giải đảm bảo tính logic, thuyết phục, ngắn gọn.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh nêu được quan điểm của mình và lí giải hợp lí: 1,0 điểm.*  *- Học sinh nêu được quan điểm của mình, lí giải chung chung: 0,75 điểm*  *- Học sinh nêu được quan điểm của mình, chưa lí giải: 0,5 điểm*  ***\* Lưu ý:*** *Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.* | 1,0 |
| **8** | Nhận xét về tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình bộc lộ trong bài thơ.  + Đó là tình yêu quê hương, yêu những kỉ niệm tuổi thơ có bà, có mẹ...  + Tình cảm đó chân thành và sâu sắc...  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 0,5 điểm.*  *- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt hoặc còn thiếu ý: 0,25 điểm.*  ***\* Lưu ý:*** *Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.* | 0,5 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | ***a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận***  Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề | 0,25 |
|  | ***b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:***  thuyết phục một người bạn từ bỏ một thói quen tuỳ tiện trong phát ngôn.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm.*  *- Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm.* | 0,5 |
|  | ***c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm***  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới: | 2,5 |
|  | - Giải thích: Tuỳ tiện trong phát ngôn là nói ra những điều chưa suy nghĩ kĩ, chưa xác thực làm tổn thương người khác.  - Những biểu hiện của thói quen tuỳ tiện trong phát ngôn:  + Không quan tâm tới thái độ của người nghe  + Không suy nghĩ đến hậu quả lời nói  + Không chịu trách nhiệm về lời mình nói ra.  - Tác hại của việc giữ thói quen:  + Làm tổn hại danh dự bản thân  + làm tổn thương người khác  - Sự cần thiết của việc từ bỏ thói quen  + Khiến bản thân trưởng thành hơn  + Khiến bạn bè tôn trọng, yêu mến  + …  - Phản bác những ý kiến trái chiều  - Lời khuyên cho người nhiễm thói quen xấu đó.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Trình bày đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm.*  *- Trình bày đầy đủ, nhưng còn đôi chỗ chưa sâu: 1,75 - 2,25 điểm.*  *- Trình bày còn thiếu ý, chưa sâu sắc : 1,0 điểm – 1,5 điểm.*  *- Trình bày chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,75 điểm.* |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 |
| I + II |  |  | **10,0** |

---------------------------------Hết -----------------------------